

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Hà Nội - Tháng 8 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Văn Bảy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Thành viên
	Ông Trần Đại Tùng	Thành viên
	Ông Đặng Văn Thăng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Vũ Văn Bảy	Tổng Giám đốc
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Các Công ty con được hợp nhất trong kỳ và tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, Tp. Hà Nội	30.000	51%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm
2	Công ty Cổ phần SICO Yên Hòa	Tòa nhà SICO, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	6.000	70%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm
3	Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	Tòa nhà SICO, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	15.000	53%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất, thương mại
4	Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	Phường Thanh Bình, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	12.000	55%	Thương mại và dịch vụ

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Vũ Văn Bảy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Số: 486/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 được lập ngày 29/8/2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc và lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Đình Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		430.770.632.317	430.129.433.216
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.138.628.499	12.479.335.999
1. Tiền	111		19.138.628.499	12.479.335.999
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.975.355.397	2.975.355.397
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	2.975.355.397	2.975.355.397
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		230.799.509.935	259.801.924.728
1. Phải thu khách hàng	131		126.291.137.058	117.971.071.059
2. Trả trước cho người bán	132		9.541.136.471	29.999.068.526
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	110.029.714.721	113.669.879.074
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(15.062.478.315)	(1.838.093.931)
IV- Hàng tồn kho	140		136.583.998.076	115.558.123.138
1. Hàng tồn kho	141	5.4	136.583.998.076	115.558.123.138
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		41.273.140.410	39.314.693.954
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.621.479.787	1.393.729.239
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.033.984.954	6.714.130.487
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	373.243.719
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	27.617.675.669	30.833.590.509
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.564.843.532	180.891.284.173
(200 = 210+220+240+250+260+269)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		86.000.000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		86.000.000	-
II- Tài sản cố định	220		141.258.458.251	155.316.568.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	69.182.918.387	81.925.589.086
- Nguyên giá	222		104.992.113.948	119.779.090.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.809.195.561)	(37.853.501.120)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	6.462.276.279	-
- Nguyên giá	225		6.654.068.182	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(191.791.903)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	42.148.967.940	38.100.000.000
- Nguyên giá	228		42.148.967.940	38.100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	23.464.295.645	35.290.979.221
III. Bất động sản đầu tư	240		6.132.874.246	-
1. Nguyên giá	241		7.129.686.060	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(996.811.814)	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	7.529.625.000	4.289.625.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.129.625.000	3.889.625.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.994.693.843	7.936.699.162
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	5.071.719.709	7.013.725.028
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		922.974.134	922.974.134
VI. Lợi thế thương mại	269	5.12	12.563.192.192	13.348.391.704
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				
(270 = 100+200)	270		604.335.475.849	611.020.717.389

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		367.664.989.792	350.869.928.627
I- Nợ ngắn hạn	310		344.778.100.112	326.223.900.052
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	134.281.917.179	161.915.651.116
2. Phải trả người bán	312		99.117.387.653	68.771.290.681
3. Người mua trả tiền trước	313		15.135.287.751	10.892.837.075
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	29.551.072.163	28.263.025.206
5. Phải trả người lao động	315		3.740.885.873	1.890.146.268
6. Chi phí phải trả	316	5.15	10.889.202.176	6.162.055.268
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	46.773.857.196	43.199.661.254
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.288.490.121	5.129.233.184
II- Nợ dài hạn	330		22.886.889.680	24.646.028.575
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	1.451.023.906	1.451.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	15.286.232.173	16.839.370.159
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		144.675.874	144.675.874
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.004.957.727	6.210.958.636
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		194.804.533.171	215.732.646.876
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	194.804.533.171	215.732.646.876
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		818.833.250	818.833.250
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.525.875.398)	(7.525.875.398)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.432.259.901	12.358.184.631
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.301.887.481	5.255.590.437
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(25.722.572.062)	(4.674.086.044)
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		41.865.952.886	44.418.141.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400 + 439)	440		604.335.475.849	611.020.717.389

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	184.734.103.869	214.592.061.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	-	119.790.723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		184.734.103.869	214.472.271.153
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	175.819.109.266	185.028.737.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.914.994.603	29.443.533.568
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	1.567.725.084	911.160.204
7. Chi phí tài chính	22	5.23	7.204.646.668	11.677.580.156
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.204.646.668	11.629.034.898
8. Chi phí bán hàng	24		1.206.449.442	2.277.694.240
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.736.229.929	13.294.237.729
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(21.664.606.352)	3.105.181.647
11. Thu nhập khác	31	5.24	10.841.454.881	1.511.930.445
12. Chi phí khác	32	5.24	10.363.321.140	1.197.551.208
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	478.133.741	314.379.237
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	60		(21.186.472.611)	3.419.560.884
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	5.25	22.711	1.244.949.004
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	63		(1.841.274.793)	395.733.384
19. Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ	70		(19.345.220.529)	1.778.878.496
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của cổ đông Công ty mẹ	80	5.26	(942)	88

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(21.186.472.611)	3.419.560.884
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.320.467.374	6.734.235.601
- Các khoản dự phòng	03	13.224.384.384	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.529.506.331)	(1.471.142.054)
- Chi phí lãi vay	06	7.204.646.668	11.629.034.898
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	4.033.519.484	20.311.689.329
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	17.047.334.501	(34.335.853.648)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.025.874.938)	(31.778.395.849)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	45.981.933.088	24.572.681.218
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.285.745.229)	2.532.607.688
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.204.646.668)	(11.629.034.898)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.932.453.563)	(864.821.892)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	59.226.523	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(222.520.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	32.673.293.198	(31.413.648.052)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.743.035.676)	(11.990.337.168)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.618.181.817	1.511.930.445
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.240.000.000)	(4.326.427.005)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.567.725.084	911.160.204
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(2.797.128.775)	1.106.326.476
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(15.925.733.885)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	99.797.207.696	195.860.000.495
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(120.286.479.619)	(143.637.935.195)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.727.600.000)	(1.221.765.567)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(160.000)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CĐTS	37	-	(184.550.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(23.216.871.923)	34.889.855.848
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	6.659.292.500	4.582.534.272
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.479.335.999	3.466.450.026
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	19.138.628.499	8.048.984.298

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Hương

Chu Thị Ánh

Vũ Văn Bảy

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 209.500.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất, lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí ngoại thất công trình; Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất, mua bán xi măng;
- Kinh doanh, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;
- Nhận ủy thác đầu tư cho các tổ chức trong và ngoài nước.
- Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghiệp thông tin (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công viên;
- Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi, giải trí công cộng;
- Kinh doanh XNK thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, sản xuất bao bì và in ấn bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây lắp hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc thiết bị....

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 28
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc, thiết bị
Phương tiện vận tải

07
06 - 08

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí dần giáo cõpha và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; chi phí dần giáo cõpha được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc sau khi có quyết định thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	16.866.860.035	11.424.534.880
Tiền gửi ngân hàng	2.271.768.464	1.054.801.119
Tổng	19.138.628.499	12.479.335.999

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.975.355.397	2.975.355.397
Tổng	2.975.355.397	2.975.355.397

5.3 Các khoản phải thu khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	1.047.449.109	4.548.044.819
Chi nhánh Công ty TNHH XD&CN Delta	173.683.826	173.683.826
Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long	1.706.576.235	1.706.576.235
HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất	1.200.000.000	1.200.000.000
Chênh lệch giá Xi măng Sotraco	875.747.628	875.747.628
Tiền giảm trừ doanh thu nhà HH Mỹ Đình	439.505.981	439.505.981
Đỗ Văn Tám	-	266.764.227
Tiền đền bù GPMB_DA Yên Phong II	15.510.433.890	-
Chênh lệch thép giá VIS	177.423.592	177.423.592
Công ty Liên doanh Sico Delta Đồng Bằng	-	139.401.500
Ban quản lý Dự án Yên Phong II	9.427.564.579	9.374.839.565
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	8.156.997.498	-
BĐH dự án xi măng Hạ Long	1.706.576.235	-
Đội 6.3 - Xí nghiệp 6	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH TM DV Toàn Thành Phát	33.200.000.000	34.200.000.000
Tiền bán Cổ phần phải thu tại Công ty CP Sico Yên Sơn	8.400.000.000	14.452.000.000
Cá nhân vay vốn	10.075.104.654	22.378.988.539
Các khoản phải thu khác	13.932.651.494	19.736.903.162
Tổng	110.029.714.721	113.669.879.074

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.4 Hàng tồn kho

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.175.424.000
Nguyên liệu, vật liệu	12.366.851.752	3.412.011.890
Công cụ, dụng cụ	150.197.300	152.117.300
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	124.046.441.062	107.743.249.800
Thành phẩm	20.507.962	20.507.962
Hàng hoá	-	3.054.812.186
Tổng	136.583.998.076	115.558.123.138

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	27.546.230.149	30.833.590.509
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	71.445.520	-
Tổng	27.617.675.669	30.833.590.509

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	9.751.196.312	93.141.751.505	10.686.785.473	4.012.223.294	2.187.133.622	119.779.090.206
Tăng trong kỳ	-	4.170.450.675	6.779.261.914	-	-	10.949.712.589
Mua trong kỳ	-	1.617.701.980	-	-	-	1.617.701.980
Điều chuyển, phân loại lại	-	2.552.748.695	6.779.261.914	-	-	9.332.010.609
Giảm trong kỳ	1.299.999.453	13.060.168.020	8.806.629.821	2.552.748.695	17.142.858	25.736.688.847
Thanh lý, nhượng bán	-	5.700.165.596	8.806.629.821	-	-	14.506.795.417
Điều chuyển, phân loại lại	-	6.762.119.056	-	2.552.748.695	17.142.858	9.332.010.609
Góp vốn	171.545.453	597.883.368	-	-	-	769.428.821
Chuyển BĐSĐT	1.128.454.000	-	-	-	-	1.128.454.000
Số dư tại 30/06/2012	8.451.196.859	84.252.034.160	8.659.417.566	1.459.474.599	2.169.990.764	104.992.113.948
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	4.131.533.605	26.361.888.797	4.014.995.780	2.295.240.555	1.049.842.383	37.853.501.120
Tăng trong kỳ	232.839.883	6.051.367.949	1.056.958.025	154.898.050	239.084.742	7.735.148.647
Khấu hao trong kỳ	232.839.883	4.756.977.656	744.875.142	154.898.050	239.084.742	6.128.675.471
Điều chuyển, phân loại lại	-	1.294.390.293	312.082.883	-	-	1.606.473.176
Giảm trong kỳ	996.611.814	4.502.450.916	2.968.858.325	1.294.390.293	17.142.858	9.779.454.206
Thanh lý, nhượng bán	-	3.881.536.522	2.968.858.325	-	-	6.850.394.847
Điều chuyển, phân loại lại	-	294.940.025	-	1.294.390.293	17.142.858	1.606.473.176
Góp vốn	-	325.974.369	-	-	-	325.974.369
Chuyển BĐSĐT	996.611.814	-	-	-	-	996.611.814
Số dư tại 30/06/2012	3.367.761.674	27.910.805.830	2.103.095.480	1.155.748.312	1.271.784.267	35.809.195.561
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	5.619.662.707	66.779.862.708	6.671.789.693	1.716.982.739	1.137.291.239	81.925.589.086
Tại 30/06/2012	5.083.435.185	56.341.228.330	6.556.322.086	303.726.287	898.206.497	69.182.918.387

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.7 Tài sản cố định thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	-	-	-
Tăng trong kỳ	5.529.090.909	1.124.977.273	6.654.068.182
Mua trong kỳ	5.529.090.909	1.124.977.273	6.654.068.182
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	5.529.090.909	1.124.977.273	6.654.068.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	-	-	-
Tăng trong kỳ	156.636.364	35.155.539	191.791.903
Khấu hao trong kỳ	156.636.364	35.155.539	191.791.903
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	156.636.364	35.155.539	191.791.903
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	-	-	-
Tại 30/06/2012	5.372.454.545	1.089.821.734	6.462.276.279

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2012	38.100.000.000	38.100.000.000
Tăng trong kỳ	10.050.000.000	10.050.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.050.000.000	10.050.000.000
Giảm trong kỳ	6.001.032.060	6.001.032.060
Chuyển BĐS ĐT	6.001.032.060	6.001.032.060
Số dư tại 30/06/2012	42.148.967.940	42.148.967.940
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2012	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2012	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2012	38.100.000.000	38.100.000.000
Tại 30/06/2012	42.148.967.940	42.148.967.940

Trong đó, Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại số 103 đường 30/4 thành phố Biên Hòa và 260B Quốc lộ 15 thành phố Biên Hòa, Đồng Nai với giá trị 38.100.000.000 đồng đang được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản nợ vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	35.290.979.221	13.769.501.383
Tăng	2.088.967.494	2.861.115.668
Giảm trong kỳ		
- Chuyển từ mua thẳng sang thuê mua TC	2.247.949.090	-
- Kết chuyển tài sản	11.667.701.980	-
- Giảm khác	-	54.734.587
Tại ngày 30 tháng 6	23.464.295.645	16.575.882.464
Chi tiết công trình		
	30/6/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	50.000.000	2.297.949.090
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	21.057.748.128	18.242.113.970
Chế tạo Silo Bentonita	-	603.431.457
Trung tâm TMDV Đồng Khởi nhà ở phường Bửu Long	-	11.154.690.673
Sửa chữa lớn TSCĐ	555.806.000	555.806.000
Nhà sản xuất thuốc hàn	76.727.600	76.727.600
Dự án KCN Kim Bảng - Hà Nam	424.077.546	424.077.546
Dự án KCN Quốc Tuấn - Hải Dương	682.480.908	682.480.908
Máy tách cát 250m ³	-	329.229.558
Các công trình khác	617.455.463	924.472.419
Tổng	23.464.295.645	35.290.979.221

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty Liên doanh		400.000.000	-	400.000.000
BQL Dự án Yên Hòa	-	400.000.000	-	400.000.000
Đầu tư dài hạn khác		7.129.625.000		3.889.625.000
Công ty Cổ phần ĐT SICO Thảo Điền	224.963	2.249.625.000	224.963	2.249.625.000
Công ty Cổ phần TM Nam Sài Gòn	1.500	1.540.000.000	1.500	1.540.000.000
BQL DA số 5 Lạc Long Quân	-	140.000.000	-	100.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Sông Đà Đồng Nai	-	3.200.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	7.013.725.028	10.545.962.698
Tăng trong kỳ	619.263.089	4.047.485.925
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(2.561.268.408)	(5.629.091.494)
Các khoản thanh lý khác	-	(89.794.000)
Tại ngày 30 tháng 6	5.071.719.709	8.874.563.129

Chi tiết chi phí

	30/6/2012 VND	01/01/2012 VND
Dàn giáo, cốppha, dụng cụ thi công	5.071.719.709	7.013.725.028
Tổng	5.071.719.709	7.013.725.028

5.12 Lợi thế thương mại

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	13.348.391.704	14.918.790.728
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(785.199.512)	(785.199.512)
Tại ngày 30 tháng 6	12.563.192.192	14.133.591.216

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	21.948.138.125	27.930.888.616
Ngân hàng TMCP Công thương	47.171.478.821	46.386.637.809
Ngân hàng TMCP Quốc tế	33.811.481.709	37.999.449.558
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.996.150.657	5.999.076.800
Vay cá nhân	24.161.565.480	43.013.998.333
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.193.102.387	585.600.000
Tổng	134.281.917.179	161.915.651.116

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18.147.493.555	11.887.402.295
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.991.301.934	14.923.732.786
Thuế thu nhập cá nhân	1.231.376.652	1.276.990.103
Thuế tài nguyên	59.109.662	59.109.662
Các loại thuế khác	121.790.360	104.198.834
Các phải nộp khác	-	11.591.526
Tổng	29.551.072.163	28.263.025.206

5.15 Chi phí phải trả

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	10.889.202.176	6.162.055.268
Tổng	10.889.202.176	6.162.055.268

5.16 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	614.052.040	487.216.240
Bảo hiểm xã hội	1.981.179.893	1.759.453.619
Bảo hiểm y tế	462.748.081	382.414.212
Bảo hiểm thất nghiệp	203.797.248	169.959.666
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.512.079.934	40.400.617.517
<i>Cổ tức phải trả năm 2010</i>	<i>26.893.604.298</i>	<i>26.893.604.298</i>
<i>CN Công ty CP tập đoàn Nam Cường</i>	<i>3.994.640.758</i>	<i>3.994.640.758</i>
<i>Tiền vật tư theo hợp đồng</i>	<i>1.918.111.433</i>	<i>1.778.487.656</i>
<i>Lãi vay cá nhân phải trả</i>	<i>2.920.948.338</i>	<i>1.655.009.698</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>7.784.775.107</i>	<i>6.078.875.107</i>
Tổng	46.773.857.196	43.199.661.254

5.17 Phải trả dài hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.451.023.906	1.451.023.906
Tổng	1.451.023.906	1.451.023.906

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.18 Vay và nợ dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	11.202.712.173	16.839.370.159
- Ngân hàng TMCP Công thương	11.202.712.173	16.201.770.159
- Chi nhánh Thanh Xuân		
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	637.600.000
Nợ dài hạn	4.083.520.000	-
Thuê tài chính	4.083.520.000	-
Tổng	15.286.232.173	16.839.370.159

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân gồm các hợp đồng vay:

Hợp đồng số 01/2009/HĐTD-TH/HTSD ngày 21/12/2009, số tiền 16 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư máy móc thi công công trình, thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 12%/ năm. Đảm bảo tiền vay: Toàn bộ máy móc thiết bị theo hợp đồng số TWVN103/SICO ngày 05/11/2009 và hợp đồng số TWVN/SA/SICO/00714/1109/JT ngày 5/11/2009.

Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-TH/HTSD ngày 20/01/2010, số tiền 14,5 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dự án khu công nghiệp Yên Phong II. Thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 12%/ năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Yên Phong II và toàn bộ các quyền phát sinh liên quan đến tài sản nói trên.

Hợp đồng số 2010/HĐTD/HTSD/GG ngày 29/3/2010 số tiền 4,8 tỷ đồng. Mục đích: Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây dựng dân dụng. Thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 14,5%/ năm. Đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị thuộc dự án do bên A tham gia cho vay, TSDB bổ sung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc dự án Yên Phong II- Bắc Ninh.

Hợp đồng số 2010/HĐTD/HTSD/KCN ngày 14/6/2010 , số tiền 12,7 tỷ đồng. Mục đích: Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thời hạn vay: 3 năm, lãi suất: 13.5%/ năm tại thời điểm ký HĐ. Đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị thuộc dự án, TSDB bổ sung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc dự án Yên Phong II- Bắc Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	209.500.000.000	12.126.085.147	(10.351.583.945)	9.248.924.010	3.377.447.735	33.040.506.575	256.941.379.522
Tăng trong năm	-	-	(15.925.733.885)	3.109.260.621	1.878.142.702	-	(10.938.330.562)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.109.260.621	1.878.142.702	-	4.987.403.323
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(15.925.733.885)	-	-	-	(15.925.733.885)
Giảm trong năm	-	11.307.251.897	(18.751.442.432)	-	-	37.714.592.619	29.827.770.084
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	26.656.500.000	26.656.500.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	9.395.873.120	9.395.873.120
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	442.632.000	
Bán cổ phiếu quỹ	-	11.307.251.897	(18.751.442.432)	-	-	-	(7.444.190.535)
Lỗi	-	-	-	-	-	1.219.587.499	1.219.587.499
Số dư tại 31/12/2011	209.500.000.000	818.833.250	(7.525.875.398)	12.358.184.631	5.255.590.437	(4.674.086.044)	215.732.646.876
Số dư tại 01/01/2012	209.500.000.000	818.833.250	(7.525.875.398)	12.358.184.631	5.255.590.437	(4.674.086.044)	215.732.646.876
Tăng trong kỳ	-	-	-	74.075.270	46.297.044	-	120.372.314
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	74.075.270	46.297.044	-	120.372.314
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	21.048.486.018	21.048.486.018
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.313.265.489	1.313.265.489
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	390.000.000	390.000.000
Lỗi	-	-	-	-	-	19.345.220.529	19.345.220.529
Số dư tại 30/06/2012	209.500.000.000	818.833.250	(7.525.875.398)	12.432.259.901	5.301.887.481	(25.722.572.062)	194.804.533.171

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông khác	209.500.000.000	209.500.000.000
Tổng	209.500.000.000	209.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	209.500.000.000	209.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	209.500.000.000	209.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.950.000	20.950.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.950.000	20.950.000
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	20.950.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	410.500	410.500
Cổ phiếu phổ thông	410.500	410.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.539.500	20.539.500
Cổ phiếu phổ thông	20.539.500	20.539.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	48.684.382.659	61.456.229.155
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	131.038.069.202	143.292.108.082
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.011.652.008	9.843.724.639
Tổng	184.734.103.869	214.592.061.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	119.790.723
Giảm giá hàng bán	-	119.790.723
Doanh thu thuần	184.734.103.869	214.472.271.153

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.21 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	42.857.998.607	41.384.676.637
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	129.160.777.423	139.832.410.872
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.800.333.236	3.811.650.076
Tổng	175.819.109.266	185.028.737.585

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.567.725.084	753.660.204
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	157.500.000
Tổng	1.567.725.084	911.160.204

5.23 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền vay	7.204.646.668	11.629.034.898
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	48.545.258
Tổng	7.204.646.668	11.677.580.156

5.24 Lợi nhuận khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	7.618.181.817	-
Bán vật tư	209.090.909	-
Thu nhập khác	3.014.182.155	1.511.930.445
Tổng	10.841.454.881	1.511.930.445
Chi phí khác		
Chi phí bán vật tư	400.123.124	-
Giá trị còn lại của tài sản	7.656.400.570	-
Chi phí khác	2.306.797.446	1.197.551.208
Tổng	10.363.321.140	1.197.551.208
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	478.133.741	314.379.237

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(21.186.472.611)	3.419.560.884
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	21.186.563.454	1.717.735.131
Các khoản điều chỉnh giảm	-	157.500.000
Thu nhập chịu thuế	90.843	4.979.796.015
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.711	1.244.949.004
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	22.711	1.244.949.004
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tổng	22.711	1.244.949.004

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(19.345.220.529)	1.778.878.496
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(19.345.220.529)	1.778.878.496
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	20.539.500	20.220.669
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(942)	88

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.126.186.996	40.421.762.961
Chi phí nhân công	8.298.026.999	21.812.491.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.320.467.374	6.734.235.601
Chi phí dự phòng	13.224.384.384	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.516.937.778	41.462.001.607
Chi phí khác bằng tiền	7.387.893.792	15.097.416.962
Tổng	81.873.897.323	125.527.909.075

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>6 tháng năm 2012 VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	390.000.000

6.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty và các công ty con được chia thành hai lĩnh vực: Kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh xăng dầu và một số hàng hóa khác, hoàn toàn tập trung tại công ty Con là Công ty Cổ phần Sông Đà – Đồng Nai. Xây lắp: Các công ty còn lại.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	<u>Kinh doanh</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Tổng</u>
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	45.405.118.831	95.853.339.420	141.258.458.251
Xây dựng cơ bản dở dang	378.024.009	23.086.271.636	23.464.295.645
Các khoản phải thu	5.773.003.804	225.112.506.131	230.885.509.935
Hàng tồn kho	888.117.297	135.695.880.779	136.583.998.076
Tài sản khác	19.400.805.994	52.742.407.948	72.143.213.942
Tổng tài sản	71.845.069.935	532.490.405.914	604.335.475.849
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	14.587.952.527	203.508.887.913	218.096.840.440
Phải trả tiền vay	44.692.632.366	104.875.516.986	149.568.149.352
Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	59.280.584.893	308.384.404.899	367.664.989.792

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012-30/6/2012 như sau:

	<u>Kinh doanh</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Tổng</u>
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	108.765.344.323	75.968.759.546	184.734.103.869
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu	108.765.344.323	75.968.759.546	184.734.103.869
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.954.123.256)	(14.073.561.512)	(16.027.684.768)
Trừ: Chi phí không phân bổ			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(16.027.684.768)
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)			1.567.725.084
Chi phí tài chính (không phân bổ)			(7.204.646.668)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD			478.133.741
Lợi nhuận kế toán trước thuế			(21.186.472.611)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(22.711)
Lợi nhuận trong năm			(21.186.495.322)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

6.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

6.4 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 và số 5.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các loại công cụ tài chính

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.138.628.499	12.479.335.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	236.406.851.779	231.640.950.133
Đầu tư ngắn hạn	2.975.355.397	2.975.355.397
Đầu tư dài hạn	7.129.625.000	3.889.625.000
Tổng	265.650.460.675	250.985.266.529
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	149.568.149.352	178.755.021.275
Phải trả người bán và phải trả khác	147.342.268.755	113.421.975.841
Chi phí phải trả	10.889.202.176	6.162.055.268
Tổng	307.799.620.283	298.339.052.384

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

6.4 Công cụ tài chính (tiếp theo)*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	134.281.917.179	15.286.232.173	149.568.149.352
Phải trả người bán và phải trả khác	145.891.244.849	1.451.023.906	147.342.268.755
Chi phí phải trả	10.889.202.176	-	10.889.202.176
01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	161.915.651.116	16.839.370.159	178.755.021.275
Phải trả người bán và phải trả khác	111.970.951.935	1.451.023.906	113.421.975.841
Chi phí phải trả	6.162.055.268	-	6.162.055.268

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09A - DN/HN

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.138.628.499	-	19.138.628.499
Phải thu khách hàng và phải thu khác	236.320.851.779	86.000.000	236.406.851.779
Đầu tư ngắn hạn	2.975.355.397	-	2.975.355.397
Đầu tư dài hạn	-	7.129.625.000	7.129.625.000
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.479.335.999	-	12.479.335.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.640.950.133	-	231.640.950.133
Đầu tư ngắn hạn	2.975.355.397	-	2.975.355.397
Đầu tư dài hạn	-	3.889.625.000	3.889.625.000

6.5 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét.

Người lập**Kế toán trưởng***Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2012*
Tổng Giám đốc**Nguyễn Thị Lan Hương****Chu Thị Ánh****Vũ Văn Bảy**